

ngũ sĩ quan dự bị và các đơn vị dự bị động viên. Thực hiện tốt công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ và công tác tuyển sinh quân sự hàng năm, có chính sách ưu tiên đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc.

Tổ chức sơ kết việc thực hiện Pháp lệnh về Dân quân tự vệ, Pháp lệnh về Lực lượng dự bị động viên, rút ra những bài học kinh nghiệm, xác định phương hướng, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện. Trong năm 2001, tổ chức sơ kết 5 năm thực hiện hai pháp lệnh trên ở cấp quân khu và trong toàn quốc.

4. Từng bước hoàn chỉnh hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công tác quốc phòng và tăng cường quản lý nhà nước về công tác quốc phòng.

Bộ Quốc phòng cần phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, các cơ quan liên quan giúp Chính phủ nghiên cứu soạn thảo mới, bổ sung, sửa đổi các văn bản về công tác quốc phòng ở các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và địa phương cho phù hợp với tình hình mới.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác quốc phòng ở các Bộ, ngành, địa phương theo phân cấp của Chính phủ và chỉ đạo của Bộ Quốc phòng. Thực hiện tốt cơ chế "Đảng lãnh đạo, chính quyền điều hành, cơ quan quân sự làm tham mưu" đã được xác định trong Nghị quyết số 02/BCT ngày 30 tháng 7 năm 1987 của Bộ Chính trị.

Các Bộ, ngành, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, kịp thời chấn chỉnh, xử lý các vi phạm theo quy định của pháp luật.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải có kế hoạch cụ thể và tổ chức thực hiện nghiêm túc ở cấp mình. Hàng năm, báo cáo kết quả thực hiện công tác quốc phòng

lên Thủ tướng Chính phủ (qua Bộ Quốc phòng, thời gian theo quy định của Bộ Quốc phòng).

Bộ Quốc phòng có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thi hành Chỉ thị này và tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

NGUYỄN TẤN DŨNG

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ
số 116/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000
về việc giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu cơ khí - Bộ Công nghiệp.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 02 tháng 12 năm 1998;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp tại Công văn số 3482/ CV-TCCB ngày 08 tháng 9 năm 2000, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 7102/SDH ngày 28 tháng 7 năm 2000, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tại Công văn số 2231/BKHCNMT-TCCBKH ngày 04 tháng 8 năm 2000,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao nhiệm vụ đào tạo tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu cơ khí - Bộ Công nghiệp.

Điều 2. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Bộ Công nghiệp quy định các chuyên ngành đào tạo tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu cơ khí.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng

PHẠM GIA KHIÊM

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 117/2000/QĐ-TTg ngày 10/10/2000 về một số chính sách và cơ chế tài chính cho các dự án đóng tàu biển của ngành đóng tàu biển Việt Nam.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2000/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2000 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 51/1999/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 1999 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Khuyến khích đầu tư trong nước (sửa đổi) số 03/1998/QH10;

Xét đề nghị của Bộ Giao thông vận tải (Tờ trình

số 2157/GTVT-KHĐT ngày 07 tháng 7 năm 2000);

Để khuyến khích và tạo điều kiện phát triển ngành công nghiệp đóng tàu biển trong nước,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Các dự án sau đây (gọi chung là dự án đóng tàu biển) được áp dụng một số chính sách và cơ chế tài chính ưu đãi theo quy định của Quyết định này:

1. Các dự án đầu tư đóng mới tàu biển do các cơ sở đóng tàu trong nước thực hiện gồm các loại cụ thể như sau:

- Tàu chở hàng đi biển có trọng tải từ 3.000 tấn trở lên;

- Tàu hút bùn công suất 1.000 m³/giờ trở lên;

- Tàu chở dầu có trọng tải từ 1.000 tấn trở lên;

- Tàu chở khí hóa lỏng có dung tích 1.200 m³ trở lên;

- Tàu đánh cá có công suất từ 300 CV trở lên;

- Tàu chở khách đi biển có 100 chỗ ngồi trở lên.

2. Các dự án đầu tư chiều sâu, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới cơ sở đóng tàu.

3. Các dự án mua tàu biển đóng mới nêu tại khoản 1 trên đây.

Điều 2. Chính sách và cơ chế tài chính ưu đãi.

1. Đối với các cơ sở đóng tàu:

a) Đối với các cơ sở đóng tàu thuộc mọi thành phần kinh tế:

- Được miễn thuế xuất khẩu đối với các sản phẩm tàu biển của cơ sở và miễn thuế nhập khẩu đối với các loại máy móc, trang thiết bị, phương tiện vận tải (nằm trong dây chuyền công nghệ) để tạo tài sản cố định và nguyên vật liệu, bán thành phẩm phục vụ cho việc đóng tàu mà trong nước